

Số: 430/TB-THPTCCVA

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Việc xếp lớp và danh sách học sinh lớp 10 năm học 2025-2026

Căn cứ vào kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026, Ban giám hiệu nhà trường thông báo xếp lớp và danh sách học sinh lớp 10 năm học 2025-2026 như sau:

1. Nguyên tắc xếp lớp

- Trường hợp sinh đôi cùng môn chuyên: xếp chung 01 lớp
- Các lớp chuyên (Văn, Sử, Địa, Sinh, Pháp): Chia đều 02 lớp về sĩ số, mức điểm, giới tính
- Lớp chuyên Anh
 - + Anh 1 và Anh 2: mỗi lớp 35 học sinh
 - + Số học sinh còn lại xếp vào lớp ghép Anh- Hàn (học chung các môn, giờ ngoại ngữ học riêng)
 - + Chia đều 03 lớp về mức điểm, giới tính

2. Tên lớp và số lượng học sinh của từng lớp

TT	Tên lớp	Số lượng	Họ và tên thầy cô chủ nhiệm	Ghi chú
1	10 Toán	49	Nguyễn Bảo Trâm	
2	10 Lí	44	Phạm Tuất Đạt	
3	10 Hóa	35	Đỗ Thị Ngọc Mai	
4	10 Tin	30	Phạm Ngọc Thắng	
5	10 Sinh 1	33	Võ Thị Mỹ Hạnh	
6	10 Sinh 2	33	Nguyễn Thị Thu Hà	
7	10 Văn 1	35	Nguyễn Thị Thanh Tâm	
8	10 Văn 2	35	Đặng Thị Dinh	
9	10 Sử 1	36	Lê Thị Mai Hương	
10	10 Sử 2	37	Nguyễn Thị Hoan	
11	10 Địa 1	36	Nguyễn Thị Hiệp	
12	10 Địa 2	37	Giáp Thị Hải Chi	
13	10 Anh 1	35	Nguyễn Thị Giang	



TT	Tên lớp	Số lượng	Họ và tên thầy cô chủ nhiệm	Ghi chú
14	10 Anh 2	35	Phan Hồng Hạnh	
15	10 Pháp 1	37	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	
16	10 Pháp 2	37	Nguyễn Thị Hạnh	
17	10 Nhật	37	Lê Thị Hợp	
18	10 Trung	28	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
19	10 Anh- Hàn	31	Phùng Thị Kim Oanh	Lớp ghép
	19 lớp	680		

3. Danh sách học sinh từng lớp (kèm theo)./.

Nơi nhận:

- CBGVNV nhà trường;
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TOÁN NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	DXT	Ghi chú
1	HÀ NAM KHÁNH	06/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	42.50	
2	TRẦN QUANG MINH	08/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	41.50	
3	TRẦN DUY HÙNG	09/02/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	39.75	
4	VŨ HƯƠNG QUỲNH	16/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	39.75	
5	HÀ HẢI ĐĂNG	07/03/2010	Nam	Nghệ An	10 TOÁN	39.50	
6	NGUYỄN XUÂN MINH	26/04/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	39.25	
7	SÁI ĐĂNG HUY	10/03/2010	Nam	Bắc Ninh	10 TOÁN	38.75	
8	DƯƠNG PHONG	29/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.50	
9	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.50	
10	BÙI LÊ MINH ANH	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
11	PHÙNG ĐỨC DUY	23/11/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
12	LÊ QUỲ HIẾU	01/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
13	TRỊNH HỒNG PHÚC	28/07/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
14	NGUYỄN THANH TÂM	11/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	38.25	
15	CHU MINH ĐỨC	20/05/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.75	
16	TRẦN GIA HÂN	08/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	37.75	
17	HOÀNG QUỐC VIỆT	22/08/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.75	
18	PHẠM PHÚC AN	12/05/2010	Nam	Hà Nam	10 TOÁN	37.50	
19	NGUYỄN TRẦN ANH	27/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
20	LÊ MINH DŨNG	07/07/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
21	NGUYỄN LÊ TUỆ LÂM	29/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
22	PHẠM KHÔI NGUYỄN	04/10/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.50	
23	VŨ VIỆT DŨNG	22/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
24	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	01/05/2010	Nữ	Bình Định	10 TOÁN	37.25	
25	TRẦN THU HÀ	13/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
26	NGUYỄN QUANG MINH	11/11/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
27	NGUYỄN HÀ THIÊN	14/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.25	
28	TRẦN TRUNG HIẾU	13/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
29	ĐINH NGỌC LONG	23/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
30	VŨ QUANG VINH	06/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	37.00	
31	HOÀNG DƯƠNG	05/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
32	NGUYỄN PHỤ TRẦN ĐỨC	10/10/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
33	HOÀNG GIA HUY	04/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
34	ĐẶNG NHÂN KIẾT	01/06/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
35	NGUYỄN NGỌC THỦY LÂM	18/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
36	LÊ DIỆU LINH	19/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
37	LÊ ĐÔNG THÀNH	23/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.75	
38	LÊ HÙNG THÀNH	17/10/2010	Nam	Thanh Hóa	10 TOÁN	36.75	
39	NGÔ MINH AN	27/09/2009	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
40	ĐỖ TUẤN ĐẠT	06/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
41	TRẦN MẠNH ĐỨC	16/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
42	TRƯƠNG DIỆU LINH	25/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
43	TRẦN PHAN HÀ MY	02/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 TOÁN	36.50	
44	BÙI QUANG TRUNG TÍN	13/02/2010	Nam	Thái Bình	10 TOÁN	36.50	
45	TRƯƠNG CHÍNH DANH	22/06/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
46	LÊ QUỲ ĐẠI DƯƠNG	13/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
47	CHU VĂN NAM	03/05/2010	Nam	Vĩnh Phúc	10 TOÁN	36.25	
48	CAO HOÀNG TUẤN	17/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	
49	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	01/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TOÁN	36.25	

Nam 38
Nữ 11
Tổng 49

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025
TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 LÝ NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN LÊ QUANG	05/04/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	45.50	
2	NGUYỄN BẢO CHÂU	09/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	43.75	
3	NGUYỄN BÁ TÙNG LÂM	23/10/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.75	
4	PHẠM TÙNG MINH	26/08/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.00	
5	TRẦN DƯƠNG MINH	05/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	43.00	
6	ĐÀO MINH TRÍ	18/05/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.75	
7	TRẦN VŨ HUY MINH	28/01/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	42.25	
8	HOÀNG ĐỨC ANH	07/02/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.75	
9	NGUYỄN CÔNG LĨNH	29/03/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	41.00	
10	ĐỖ HOÀNG DŨNG	18/07/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
11	HOÀNG THÁI DUY	17/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
12	NGUYỄN TRẦN DUY HẢI	11/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.50	
13	ĐINH LÂM PHƯƠNG	28/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	40.25	
14	VŨ MINH ĐỨC	27/01/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.00	
15	NGUYỄN THÀNH MINH	04/12/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	40.00	
16	ĐÀO THU HÀ	04/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	39.75	
17	TRẦN NAM SƠN	09/08/2010	Nam	Thanh Hóa	10 LÝ	39.58	
18	ĐINH DUY ANH	11/07/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.50	
19	NGUYỄN NỮ HÀ ANH	29/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	39.50	
20	TRẦN SỸ KHANG	25/04/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.50	
21	NGUYỄN VŨ HOÀNG AN	16/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.25	
22	ĐÀO GIA HUY	02/01/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.25	
23	LÊ PHẠM NGỌC KHÁNH	15/08/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.25	
24	NGUYỄN VĂN ĐỨC MINH	09/07/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.25	
25	LÊ GIA PHONG	12/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.25	
26	LÊ THU GIANG	10/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	39.00	
27	NGUYỄN ĐỨC KHOA	29/05/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.00	
28	TẠ HÀ QUANG MINH	30/09/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.00	
29	LÊ BẢO NGỌC	26/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	39.00	
30	TRẦN SƠN TÙNG	07/06/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	39.00	
31	NGUYỄN GIA HIẾU	19/06/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.75	
32	VŨ HOÀNG GIA MINH	23/07/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.75	
33	LÊ NGUYỄN MINH ĐỨC	20/03/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.50	
34	NGÔ HOÀNG LONG	24/03/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.50	
35	PHẠM NHẬT MINH	13/11/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.50	
36	LƯƠNG XUÂN QUANG	18/11/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.25	
37	VŨ NGUYỄN THÁI SƠN	23/01/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.25	
38	HOÀNG MINH TÙNG	29/04/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.25	
39	NGUYỄN CÔNG QUỐC AN	02/05/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.00	
40	NGÔ BẢO BẢO	21/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 LÝ	38.00	
41	NGUYỄN MẠNH DŨNG	03/01/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.00	
42	NGUYỄN NAM KHÁNH	28/02/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.00	
43	PHAN ĐÌNH TRUNG	30/04/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.00	
44	LÊ MINH VŨ	09/05/2010	Nam	Hà Nội	10 LÝ	38.00	

Nam 37
Nữ 7
Tổng 44

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Hà Nội

Nguyễn Thị Nhiếp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 HÓA NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	ĐINH PHƯƠNG THUY LÂM	18/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	44.75	
2	PHẠM ANH THƯ	29/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	44.25	
3	NGUYỄN THỊ GIA NHƯ	09/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	44.00	
4	LÊ NGỌC LÂM	10/09/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	43.00	
5	NGUYỄN MINH BẢO CHÂU	24/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	42.75	
6	NGUYỄN GIA MINH	17/09/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	42.50	
7	PHẠM BẢO NAM	08/09/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	42.25	
8	TRẦN ĐỨC MINH HIẾU	06/04/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	42.00	
9	NGUYỄN CAO MINH	22/12/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.91	
10	ĐẶNG KHÁNH ĐỨC	02/08/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.75	
11	PHẠM ANH MINH	30/06/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.75	
12	TRẦN NGỌC ANH THƯ	28/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	41.75	
13	NGUYỄN ĐỨC VINH	07/02/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.75	
14	NGUYỄN MINH HÀ AN	18/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	41.50	
15	VŨ MINH HIẾU	23/07/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.25	
16	NGUYỄN MẠNH QUÂN	10/11/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	41.25	
17	MAI TRẦN KHÁNH LY	24/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	41.00	
18	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	11/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	41.00	
19	VĂN LIÊN PHƯƠNG	07/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	41.00	
20	BÙI TRÍ AN	02/07/2009	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.75	
21	PHẠM HOÀNG NGÂN AN	13/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	40.75	
22	NGUYỄN HÀ VI	16/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	40.75	
23	DƯƠNG TUẤN ANH	12/02/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.50	
24	TRỊNH TRÍ ĐỨC	26/11/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.50	
25	NGUYỄN THIỆN NHÂN	02/02/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.50	
26	LÊ HÀ AN	05/12/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
27	PHẠM BẢO CHÂU	01/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
28	PHÍ ANH KHÔI	30/05/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
29	NGUYỄN TÙNG LÂM	10/11/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
30	BÙI TIẾN MINH	06/01/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
31	HOÀNG MINH NGUYỄN	26/06/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.25	
32	LÊ MINH ĐỨC	11/07/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.00	
33	NGUYỄN THU HUỆ MINH	06/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 HÓA	40.00	
34	HOÀNG HÀ NAM	10/09/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.00	
35	VŨ NAM PHONG	07/12/2010	Nam	Hà Nội	10 HÓA	40.00	

Nam 22
Nữ 13
Tổng 35

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SINH 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	DƯƠNG KIM KHÁNH NGÂN	07/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	41.25	
2	PHÙNG KHÁNH LINH	28/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	40.50	
3	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	40.25	
4	TẠ ĐỨC TUỆ	18/04/2010	Nam	TP Hồ Chí Minh	10 SINH 1	40.00	
5	NGUYỄN MINH THU'	28/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	39.50	
6	NGUYỄN QUANG KHÔI	24/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	39.00	
7	NGUYỄN THIÊN AN	05/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.75	
8	TRẦN HOÀNG BẢO THẮNG	03/02/2010	Nam	Thái Bình	10 SINH 1	38.50	
9	LÊ NGỌC LINH CHI	13/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.25	
10	ĐẶNG MINH TÂM	18/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.25	
11	HÀ NGỌC BẢO HÂN	17/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
12	NGUYỄN THẢO MINH	28/09/2010	Nữ	Pháp	10 SINH 1	38.00	
13	NGUYỄN SƠN TÙNG	11/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	38.00	
14	NGUYỄN XUÂN BÁCH	28/02/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.75	
15	NGUYỄN ANH THU'	20/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.75	
16	LÂM THỦY DƯƠNG	14/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.25	
17	TRỊNH MINH QUÂN	12/12/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	37.25	
18	NGUYỄN THÙY LÂM	12/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
19	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	10/02/2010	Nữ	Hưng Yên	10 SINH 1	37.00	
20	NGUYỄN HÀ TRANG	12/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	37.00	
21	PHẠM HÙNG CƯỜNG	03/12/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	36.75	
22	DIỆP ANH HÀO	09/11/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	36.75	
23	TRỊNH VŨ THẢO MY	24/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	36.75	
24	NGUYỄN CỬU BẢO QUYÊN	26/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	36.75	
25	LÊ ĐĂNG TUẤN ANH	06/04/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	36.50	
26	LÊ MINH ANH	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	36.25	
27	NGUYỄN SONG KHÁNH NHI	07/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	36.25	
28	NGUYỄN AN PHÚC	26/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	36.00	
29	LÊ MINH HUYỀN ANH	25/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	35.75	
30	TRẦN BẠCH DƯƠNG	10/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	35.75	
31	TRẦN TUỆ MINH	28/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	35.75	
32	LÊ ĐỖ NGỌC DIỆP	11/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 1	35.50	
33	PHÍ TRẦN MINH QUÂN	07/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 1	35.50	

Nam 12
Nữ 21
Tổng 33

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SINH 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	TRƯƠNG AN KHÁNH	07/02/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	41.00	
2	BÙI PHẠM MAI VÂN	27/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	40.50	
3	LÊ THÙY CHI	06/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	40.00	
4	NGUYỄN CHÍ KIÊN	17/01/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	39.50	
5	HOÀNG GIA BẢO	08/01/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	39.25	
6	LƯU HẢI YẾN	04/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	39.00	
7	NGUYỄN QUỲNH ANH	30/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.50	
8	HOÀNG MINH ANH	14/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.25	
9	DƯƠNG BẢO LINH	14/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.25	
10	TRẦN QUỲNH CHI	15/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
11	LÊ KHÁNH LINH	20/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
12	NGUYỄN HUY NHẬT NAM	20/08/2010	Nam	Thái Bình	10 SINH 2	38.00	
13	NGUYỄN HÀ HẠNH NHI	15/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	38.00	
14	NGUYỄN THỦY CHI	22/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.75	
15	CHU MINH HÀ	27/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.75	
16	NGUYỄN PHỤ THÁI LÂM	01/03/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.75	
17	MAI THỊ CHÚC AN	10/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.25	
18	ĐÀM DUY MINH	02/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.25	
19	HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	03/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
20	LƯƠNG HOÀNG MINH	19/05/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
21	PHẠM NGUYỄN PHONG	30/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	37.00	
22	LÊ ĐỖ THU MINH	01/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	36.75	
23	CHU ĐỨC NGUYỄN	14/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	36.75	
24	HOÀNG ANH THƯ	11/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	36.75	
25	NGUYỄN NHẬT ANH	07/05/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	36.50	
26	NGUYỄN KIM NGÂN	15/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	36.25	
27	NGUYỄN QUỐC TRUNG	12/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	36.25	
28	ĐỖ MINH SƠN	06/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	36.00	
29	TẠ THỊ HẢI ANH	13/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	35.75	
30	VŨ THỊ THANH HÀ	25/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	35.75	
31	NGUYỄN HÀ CHI	30/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	35.50	
32	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	16/12/2010	Nam	Hà Nội	10 SINH 2	35.50	
33	NGUYỄN HIỀN ANH THƯ	22/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 SINH 2	35.50	

Nam 13
Nữ 20
Tổng 33

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TIN NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	TRỊNH LONG GIANG	27/05/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	41.00	
2	ĐỖ THỊ NGỌC MAI	22/11/2009	Nữ	Hà Nội	10 TIN	40.00	
3	HOÀNG TUẤN LÂM	14/12/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.75	
4	BÙI KHẮC ĐĂNG	15/12/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.00	
5	NGUYỄN QUANG HUY	24/04/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.00	
6	PHAN GIA HÙNG	23/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	39.00	
7	DƯƠNG BẢO TRÂM	25/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 TIN	38.75	
8	NGUYỄN TRÍ MINH	23/02/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.50	
9	LÊ ANH VŨ	26/04/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.50	
10	ĐINH HÙNG CƯỜNG	23/08/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	38.00	
11	MAI NGỌC KHÁNH	15/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 TIN	38.00	
12	LÊ MINH SƠN	01/01/2010	Nam	Vĩnh Phúc	10 TIN	38.00	
13	NGUYỄN NGÂN AN	24/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 TIN	37.75	
14	TRƯƠNG ĐỨC ANH	15/07/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
15	NGUYỄN ĐĂNG LÂM	23/06/2010	Nam	Thanh Hóa	10 TIN	37.50	
16	QUÁCH THÀNH LÂM	12/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
17	NGUYỄN THÁI TUẤN	23/12/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.50	
18	NGUYỄN ĐỨC ĐĂNG KHOA	11/10/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
19	LƯU TÙNG LÂM	21/02/2010	Nam	Hàn Quốc	10 TIN	37.25	
20	NGÔ HOÀNG LONG	06/05/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
21	HOÀNG DU PHONG	04/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
22	PHẠM MẠNH PHONG	04/02/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.25	
23	PHẠM THÀNH CÔNG	10/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	37.00	
24	NGUYỄN TUẤN THÀNH	21/01/2010	Nam	Vĩnh Phúc	10 TIN	37.00	
25	TRẦN GIA BẢO	08/04/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
26	ĐỖ HUY KHANG	08/06/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
27	LÊ VĂN VŨ MINH	11/10/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.50	
28	NGUYỄN ĐĂNG LÂM	26/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
29	TẠ GIANG NAM	05/05/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	
30	NGUYỄN NGỌC SƠN	07/10/2010	Nam	Hà Nội	10 TIN	36.25	

Nam 26
Nữ 4
Tổng 30

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 VĂN 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	TRỊNH PHƯƠNG ANH	25/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	43.00	
2	NGUYỄN CAO KHÁNH	11/07/2010	Nam	Hà Nội	10 VĂN 1	42.25	
3	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	22/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	42.00	
4	PHẠM HÀ ANH	06/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	41.50	
5	NGUYỄN ĐÀO BẢO CHÂU	11/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	41.50	
6	PHẠM NGỌC MINH ANH	19/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	41.00	
7	NGUYỄN BẢO LINH	29/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	40.75	
8	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	24/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	40.50	
9	NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	05/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	40.50	
10	PHẠM TÚ ANH	15/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	40.25	
11	VŨ KHÁNH AN	03/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.75	
12	HOA GIA LINH	19/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.75	
13	NGUYỄN THỊ HẰNG NGÀ	29/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.75	
14	NGÔ HOÀI AN	31/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.50	
15	NGUYỄN THÚY HIỀN	21/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.50	
16	PHẠM HIỀN AN	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.25	
17	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	01/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.25	
18	ĐÌNH NGỌC MY	25/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.25	
19	NGÔ HƯƠNG GIANG	27/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.00	
20	NGUYỄN PHÙNG NHẬT HÀ	06/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	39.00	
21	PHẠM HƯƠNG GIANG	18/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.75	
22	VŨ THÙY LÂM	27/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.75	
23	VŨ THU QUỲNH	07/12/2010	Nữ	Thanh Hóa	10 VĂN 1	38.75	
24	MAI DIỆP CHI	29/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.50	
25	LÊ THỦY DƯƠNG	18/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.50	
26	LÊ TÚ LINH	28/01/2010	Nữ	VĨNH PHÚC	10 VĂN 1	38.50	
27	NGUYỄN TÚ LINH	09/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.50	
28	ĐÌNH HÀ AN	22/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.25	
29	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	10/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.25	
30	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	14/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.25	
31	VŨ PHẠM BẢO TRẦN	22/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.25	
32	HỒ TRÚC ANH	08/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.00	
33	VŨ THÙY LÂM	04/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.00	
34	NGUYỄN HÀ LINH	20/03/2010	Nữ	Thanh Hóa	10 VĂN 1	38.00	
35	NGUYỄN THANH THẢO	29/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.00	
36	NGUYỄN LÊ BẢO UYÊN	26/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 1	38.00	

Nam 1
Nữ 35
Tổng 36

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025



Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 VĂN 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	MAI BẢO NGỌC	29/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	42.50	
2	NGUYỄN BẢO NGỌC	19/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	42.50	
3	NGUYỄN HÀ CHI	06/03/2010	Nữ	Vĩnh Phúc	10 VĂN 2	42.25	
4	NGUYỄN MINH ANH	12/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	41.75	
5	TRẦN TRÀ MY	13/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	41.25	
6	ĐINH NGUYỄN NGỌC LINH	04/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	40.75	
7	NGUYỄN TRẦN ANH THU	23/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	40.75	
8	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	01/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	40.50	
9	VŨ NGỌC TUỆ ANH	22/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	40.25	
10	NGUYỄN HẢI NGÂN CHÂU	15/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	40.00	
11	CHU NGỌC MINH ANH	10/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.75	
12	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	13/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.75	
13	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	08/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.75	
14	BÙI PHAN NGÂN HÀ	20/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.50	
15	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	22/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.50	
16	PHẠM HƯƠNG GIANG	15/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.25	
17	NGUYỄN VŨ NGÂN HÀ	09/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.25	
18	PHƯƠNG DIỆP ANH	02/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.00	
19	ĐẶNG THỊ THÁI HÀ	18/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.00	
20	NGUYỄN GIÁNG MY	03/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	39.00	
21	NGUYỄN QUỲ ĐỨC	02/01/2010	Nam	Hà Nội	10 VĂN 2	38.75	
22	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	16/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.75	
23	TRẦN MINH ANH	08/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.50	
24	ĐẶNG NGUYỄN THÙY DƯƠNG	30/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.50	
25	NGUYỄN BẢO GIANG	17/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.50	
26	NGUYỄN GIA LINH	02/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.50	
27	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	10/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.50	
28	LÊ HUYỀN TÂM AN	23/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.25	
29	HOÀNG HỒNG NGỌC	21/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.25	
30	MÃN HUYỀN THANH	18/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.25	
31	TRẦN KHÁNH UYÊN	06/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.25	
32	NGUYỄN THANH HÀ	16/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.00	
33	ĐÀM KHÁNH LINH	14/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.00	
34	NGUYỄN GIA NGÂN	18/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.00	
35	VŨ ANH THU	11/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 VĂN 2	38.00	

Nam 1
Nữ 34
Tổng 35

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SỬ 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	TẠ HUYỀN MY	05/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	45.00	
2	NGUYỄN QUỐC NAM	31/05/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	44.25	
3	VŨ HOÀNG PHONG	01/05/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	43.75	
4	NGUYỄN MINH CHÂU	13/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	43.50	
5	LÊ LÂM ANH	29/12/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	42.25	
6	LÊ KHÁNH THY	23/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	42.25	
7	TRẦN QUANG BẢO VINH	23/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	42.25	
8	BÙI KHÁNH BĂNG	12/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	42.00	
9	NGUYỄN PHẠM HẠNH NGUYỄN	12/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	41.75	
10	VŨ HUYỀN TRANG	06/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	41.00	
11	HOÀNG NGUYỄN MINH ANH	03/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.75	
12	VŨ QUỲNH CHI	07/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.50	
13	PHẠM ANH KHÔI	06/02/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	40.00	
14	NGUYỄN BẢO NGỌC	14/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	40.00	
15	NGUYỄN HỮU HOÀNG ĐẠT	09/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	40.00	
16	TRƯƠNG KHÁNH HÀ	03/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.75	
17	LƯƠNG TUỆ NHI	11/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.75	
18	TRẦN DOÃN ĐẠT	06/05/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	39.50	
19	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	20/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
20	VŨ LÊ KHÁNH TÙNG	14/02/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	39.00	
21	NGUYỄN LÊ TRẢ MI	22/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	38.75	
22	DƯƠNG MINH KIẾT	15/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	38.25	
23	LÊ VĨNH TIẾN	30/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	38.00	
24	PHÍ THANH LÂM	11/01/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	37.75	
25	TRẦN PHƯƠNG LINH	18/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	37.25	
26	NGUYỄN NHẬT QUANG	20/11/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	37.25	
27	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	29/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	37.00	
28	ĐẶNG ANH DŨNG	10/03/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	36.75	
29	LƯƠNG SONG NHI	29/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.75	
30	NGUYỄN HOÀNG MINH VY	22/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.75	
31	NGUYỄN GIA BỘI LINH	06/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.50	
32	PHAN NGỌC QUYÊN	25/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.50	
33	TRẦN KHÁNH VI	15/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.25	
34	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGÂN	30/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 1	36.00	
35	NGUYỄN HUY TUẤN ĐẠT	30/03/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	35.75	
36	PHẠM ĐÌNH TRUNG	09/04/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 1	35.75	

Nam 15
Nữ 21
Tổng 36

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 SỬ 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	PHẠM QUỐC AN	13/04/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	44.25	
2	ĐẶNG ANH ĐỨC	06/04/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	43.75	
3	LÊ QUANG LONG	21/01/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	43.75	
4	VŨ TRẦN BẢO HÂN	19/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	43.25	
5	BÙI TRẦN GIA MINH	15/11/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	43.00	
6	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	18/12/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	42.50	
7	NGUYỄN VI HOA	21/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	42.25	
8	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	20/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	42.00	
9	PHAN LÊ ĐỨC PHÁT	14/02/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	42.00	
10	LÊ TUẤN MINH	20/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	41.75	
11	QUÁCH MINH ĐĂNG	01/08/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	41.50	
12	TRẦN NAM KHÁNH	13/06/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	40.75	
13	PHẠM HUYỀN PHƯƠNG THẢO	05/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.75	
14	NGUYỄN CHÂU GIANG	06/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	40.50	
15	BÙI MINH QUANG	21/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	40.00	
16	TRẦN GIA HÂN	16/12/2009	Nữ	Thanh Hóa	10 SỬ 2	40.00	
17	ĐINH THÁI AN	14/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.75	
18	NGUYỄN DUY KHÔI	20/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	39.75	
19	NGUYỄN MINH CHÂU	21/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.50	
20	NGUYỄN TIẾN NAM	04/01/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	39.25	
21	NGUYỄN ĐỨC MINH	18/09/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
22	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	02/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	39.00	
23	TRẦN MINH THƯ	30/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.75	
24	PHAN HẢI HÀ	27/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	38.00	
25	NGUYỄN LÊ TƯỜNG AN	30/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.75	
26	NGUYỄN TUỆ ANH	26/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.50	
27	TRẦN TRÚC LINH	01/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.25	
28	NGUYỄN THANH THẢO	29/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.25	
29	VŨ KHÁNH LINH	07/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	37.00	
30	PHẠM LÊ DƯƠNG CẨM	26/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.75	
31	NGUYỄN LÊ THU	21/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.75	
32	LÊ PHƯƠNG ANH	06/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.50	
33	VŨ PHƯƠNG LINH	06/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.50	
34	NGUYỄN NGỌC HẠ CHI	04/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.25	
35	TRẦN HUYỀN ANH	22/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 SỬ 2	36.00	
36	TRƯƠNG BÁ PHÚC	29/07/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	36.00	
37	TẠ CHÍ QUÂN	30/11/2010	Nam	Hà Nội	10 SỬ 2	35.75	

Nam 15
Nữ 22
Tổng 37

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ĐỊA 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	BÙI THANH HẰNG	01/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	44.25	
2	TRẦN HOÀI ANH	27/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	43.00	
3	NGUYỄN TUỆ SAN	23/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	42.25	
4	TRẦN VĂN GIANG	15/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	42.25	
5	NGUYỄN LƯƠNG BẢO UYÊN	29/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	42.00	
6	NGUYỄN MAI ANH	15/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	41.75	
7	ĐÀO NGUYỄN HƯNG	07/12/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	41.50	
8	TRẦN HOÀNG MAI ANH	15/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	41.25	
9	ĐINH MAI HOA	27/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	41.00	
10	NGUYỄN CẢNH KHÔI	15/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.75	
11	TRẦN THUY DUNG	08/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.75	
12	TRẦN KHÁNH HUYỀN	30/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.50	
13	NGUYỄN TUẤN THỊNH	18/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.25	
14	PHẠM HIỀN ANH	26/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.25	
15	TRẦN MẠNH TIỀN	24/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.00	
16	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	16/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	40.00	
17	NGUYỄN ANH THU	23/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.75	
18	LÊ MINH ANH	08/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.75	
19	ĐỖ MINH ANH	27/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.50	
20	ĐOÀN NGỌC MINH CHÂU	15/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.50	
21	LÊ MINH NGÂN	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.25	
22	LÊ TUỆ ANH	06/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.25	
23	TRƯƠNG MINH TÚ	19/04/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.00	
24	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	05/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.75	
25	HOÀNG NGUYỄN TUỆ NHI	25/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.50	
26	PHẠM MAI CHI	07/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.50	
27	PHẠM CHÍ NGUYỄN	17/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.25	
28	CÔ THANH HUYỀN	29/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.25	
29	NGUYỄN HỒNG BẢO HÀ	22/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.25	
30	NGUYỄN ANH THU	31/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.00	
31	NGUYỄN THẢO LINH	09/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.00	
32	NGUYỄN QUANG ĐẠO	12/06/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	38.00	
33	NGÔ KHÁNH HÀ	12/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.75	
34	LÊ VIỆT KHÔI	04/08/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.50	
35	TRẦN MINH HÀ	20/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.25	
36	NGUYỄN MINH CHÂU	19/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.25	

Nam	9
Nữ	27
Tổng	36

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ĐỊA 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	ĐÀO DUY MINH	02/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	43.25	
2	NGUYỄN NGỌC CHI	15/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	43.00	
3	PHẠM BẢO HÀ	24/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	42.25	
4	PHẠM KHÁNH THỦY	01/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	42.00	
5	NGUYỄN CẨM NGỌC	18/11/2010	Nữ	Quảng Ninh	10 ĐỊA 2	41.75	
6	NGUYỄN LÂM ANH	27/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.75	
7	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	13/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.50	
8	PHAN NGUYỄN GIA LINH	10/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.00	
9	TRẦN KHÁNH DUNG	27/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	41.00	
10	PHẠM THỦY DƯƠNG	25/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.75	
11	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	25/09/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.50	
12	NGUYỄN VŨ QUANG MINH	02/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.50	
13	NGUYỄN HẢI MINH	24/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.25	
14	LÊ NGỌC KHẢ TRẦN	14/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.00	
15	TRẦN BẢO QUYÊN	29/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.00	
16	NGUYỄN VÂN ANH	22/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	40.00	
17	LÊ BẢO LINH	23/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.75	
18	NGUYỄN HÀ MINH	26/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 1	39.50	
19	ĐỖ NGUYỄN TRANG NHUNG	09/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.50	
20	LÊ HỒNG QUỲNH CHI	23/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.50	
21	ĐỖ MINH ANH	27/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.50	
22	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	06/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.25	
23	LÊ TRẢ LINH	19/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.25	
24	PHẠM BÁCH TÙNG	02/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	39.00	
25	NGUYỄN NGUYỆT NGÂN TRÚC	26/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.75	
26	NGUYỄN TRANG NHUNG	20/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.50	
27	VŨ TRẦN BẮC HÀ	23/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.50	
28	NGUYỄN BẢO NGÂN	26/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.25	
29	ĐỖ MINH HIẾU	23/08/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.25	
30	NGUYỄN VINH BẢO QUỐC	09/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.00	
31	DƯƠNG PHÚC LÂM	19/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.00	
32	HOÀNG TRÚC AN	27/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	38.00	
33	NGUYỄN THẾ TÙNG	14/03/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.75	
34	NGUYỄN ĐỨC NAM	24/05/2010	Nam	Hà Nội	10 ĐỊA 1	37.75	
35	PHAN HƯƠNG TRÀ	16/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.50	
36	NGUYỄN NGỌC LINH	29/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	
37	NGUYỄN NGỌC DIỆP	18/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ĐỊA 2	37.25	

Nam 10
Nữ 27
Tổng 37

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiếp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ANH 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	DƯƠNG NGỌC LINH GIANG	25/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	42.20	
2	ĐOÀN HẠNH NHI	05/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	41.15	
3	PHẠM MẠNH ĐỨC	27/06/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	40.85	
4	NGÔ MINH BẢO	01/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	40.75	
5	NGUYỄN KHÁNH NAM	01/04/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	40.70	
6	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	04/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	40.20	
7	NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	06/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	40.05	
8	NGUYỄN VŨ HÀ LINH	09/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.70	
9	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	04/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.35	
10	ĐU ĐỨC TIẾN MINH	15/04/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	39.30	
11	NGUYỄN VŨ BẢO CHÂU	27/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.25	
12	TRỊNH THỦY DƯƠNG	28/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.10	
13	PHẠM PHƯƠNG LINH	01/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	39.05	
14	BÙI HOÀNG ANH THƯ	26/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.95	
15	NGUYỄN TUỆ ANH	22/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.75	
16	DƯƠNG MINH HẠNH	17/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.65	
17	TRẦN VŨ HOÀNG	20/08/2010	Nam	Nghệ An	10 ANH 1	38.55	
18	TRẦN THỊ THÁI NGÂN	15/10/2010	Nữ	Quảng Ninh	10 ANH 1	38.40	
19	TRẦN THU HẠNH	19/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.35	
20	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	07/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.15	
21	NGUYỄN KHÁNH GIANG	03/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	38.05	
22	NGUYỄN MINH TUẤN	01/03/2010	Nam	Hà Nam	10 ANH 1	38.05	
23	CÔNG NHẬT MINH	25/05/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	38.00	
24	HỒ BẮN	16/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.85	
25	NGUYỄN LAN HƯƠNG	15/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.85	
26	LÊ MINH VŨ	27/07/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.80	
27	NGUYỄN BẢO ANH	17/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.65	
28	LÊ PHAN DUY	09/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.60	
29	NGÔ VIỆT ANH	11/09/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.55	
30	LÊ HÀ PHƯƠNG LINH	12/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.45	
31	VŨ PHƯƠNG LINH	15/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.35	
32	PHẠM NGUYỄN VŨ	08/09/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.35	
33	NGUYỄN GIA KHÁNH	11/12/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 1	37.25	
34	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	09/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.20	
35	NGUYỄN XUÂN AN	19/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 1	37.15	

Nam 13
Nữ 22
Tổng 35

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 ANH 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN LÂM	05/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	41.45	
2	NGUYỄN ĐỨC LONG	26/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	41.05	
3	DƯƠNG THỊ THẢO LINH	15/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	40.85	
4	DƯƠNG NHẬT MINH	25/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	40.85	
5	NGUYỄN THỦY ANH	08/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.95	
6	PHAN VŨ THU ANH	21/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.75	
7	NGUYỄN MINH ĐỨC	25/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.40	
8	LÊ THÀNH NGUYÊN	01/03/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.35	
9	ĐINH PHAN NHẬT ANH	07/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	39.10	
10	DƯƠNG THỊ THANH THẢO	15/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	39.10	
11	LÊ CHÂU ANH	10/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.95	
12	LÊ VIỆT HUNG	08/07/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.90	
13	NGUYỄN HỒNG ANH	05/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.85	
14	VÕ NGUYỄN YÊN VŨ	04/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.80	
15	NGUYỄN HỒNG BẢO KHÁNH	25/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.70	
16	PHÍ TRẦN KHÁNH MINH	07/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.65	
17	LÊ MAI HƯƠNG	13/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.55	
18	CAO NGUYỄN HÀ ANH	16/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.35	
19	TRẦN LÊ THỦY TRANG	13/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	38.25	
20	NGÔ NHẬT MINH	10/02/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.10	
21	TRỊNH THẢO NGUYỄN	06/12/2010	Nữ	Hồ Chí Minh	10 ANH 2	38.10	
22	PHÙNG HUY GIA HIỂN	24/04/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	38.05	
23	ĐỖ KHẢ LAM	14/01/2010	Nữ	CHLB Đức	10 ANH 2	38.00	
24	HOÀNG THANH LÂM	25/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.95	
25	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	16/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.85	
26	TRƯƠNG BÌNH MINH	29/09/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	37.85	
27	TRẦN BẢO CHÂU	18/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.75	
28	VŨ ĐỨC HOÀNG	07/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	37.65	
29	NGUYỄN VIỆT LONG	04/02/2010	Nam	Nghệ An	10 ANH 2	37.60	
30	MAI HỮU HÂN	22/04/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH 2	37.55	
31	NGÔ YÊN CHI	16/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.40	
32	LÊ THANH HẰNG	30/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.30	
33	LÊ KIM NGÂN	27/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.25	
34	VƯƠNG KHÁNH NGỌC	18/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.20	
35	ĐỖ HIỀN GIANG	10/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH 2	37.15	

Nam 13
Nữ 22
Tổng 35

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 HÀN-ANH NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	DXT	Ghi chú
1	PHẠM GIA TRẦN NAM	09/06/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	39.80	Anh
2	PHẠM HẢI VÂN	29/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	39.25	Anh
3	ĐỖ HỒNG XUÂN	09/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	38.80	Anh
4	NGUYỄN MINH ANH	16/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	38.75	Anh
5	PHẠM THẢO LINH	21/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	38.50	Anh
6	NGUYỄN THÁI THANH HÒA	09/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	38.40	Anh
7	NGUYỄN HÀ AN	16/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	38.05	Anh
8	ĐINH NHẬT PHONG	23/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.95	Anh
9	NGUYỄN HOÀNG MINH	01/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.95	Anh
10	NHỮ THANH TRUNG	28/07/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.75	Anh
11	VŨ THỦY DƯƠNG	11/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.70	Anh
12	VŨ HOÀNG LÂM	15/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.50	Anh
13	TRẦN VIỆT DŨNG	16/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.45	Anh
14	TẠ HẢI PHONG	09/11/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.35	Anh
15	NGUYỄN NGỌC CHI	27/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.25	Anh
16	NGUYỄN ĐỨC ANH	29/01/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.25	Anh
17	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN TÙNG	01/10/2010	Nam	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.15	Anh
1	ĐÀM KHÁNH CHI	11/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	40.70	Hàn
2	VŨ HÀ ANH	03/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	40.55	Hàn
3	VŨ BÌNH THÁI VÂN	07/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	40.35	Hàn
4	ĐỖ QUỲNH HƯƠNG	03/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	39.30	Hàn
5	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	07/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	37.25	Hàn
6	LẠI MINH HẰNG	09/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	36.70	Hàn
7	ĐÌNH CẨM TÚ	23/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	36.25	Hàn
8	PHẠM NGUYỆT MINH	09/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	35.05	Hàn
9	NGUYỄN QUÊ MINH	17/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	34.95	Hàn
10	NGUYỄN MINH CHÂU	11/10/2009	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	33.25	Hàn
11	NGUYỄN MAI CHI	16/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	32.35	Hàn
12	TRẦN BẢO NGỌC	19/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	29.95	Hàn
13	NGÔ THỊ MAI PHƯƠNG	26/11/2010	Nữ	Nam Định	10 ANH - HÀN	26.85	Hàn
14	PHẠM BẢO NGỌC	04/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 ANH - HÀN	19.65	Hàn

Nam 9
Nữ 22
Tổng 31

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 PHÁP 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	VŨ NGUYỄN NHƯ ANH	26/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	44.65	
2	NGUYỄN MINH ĐỨC	10/02/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	44.20	
3	TRẦN MINH HÀ	04/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	42.90	
4	LƯƠNG TƯỜNG MINH	05/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	42.70	
5	TRỊNH ĐỨC LINH CHI	05/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	42.65	
6	NGUYỄN HOÀNG ANH	09/11/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	41.40	
7	NGUYỄN NAM PHAN	27/07/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	40.25	
8	LÊ HUYỀN ANH	08/11/2010	Nữ	Hải Dương	10 PHÁP 1	40.20	
9	LÊ MINH VY	22/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.95	
10	PHẠM PHÚC NGUYỄN	04/01/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.85	
11	LÊ HOÀNG THÙY VY	25/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.75	
12	LƯU NGỌC ANH	07/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.70	
13	BÙI THỊ KIM DUNG	25/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.60	
14	NGUYỄN BẢO NGỌC	29/05/2010	Nữ	Hà Nam	10 PHÁP 1	39.50	
15	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.30	
16	NGUYỄN KHÁNH CHI	22/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.20	
17	NGUYỄN DUY KHÔI AN	28/08/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	39.00	
18	TRẦN TUẤN MINH	06/12/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	38.40	
19	HOÀNG ÁNH PHƯƠNG	08/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	38.10	
20	NGUYỄN TUỆ NHƯ	28/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	37.25	
21	TRẦN TUỆ ANH	11/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.50	
22	NGÔ BẢO NGỌC	23/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.50	
23	NGUYỄN DUY ANH VŨ	16/01/2010	Nam	Hà Tĩnh	10 PHÁP 1	36.50	
24	PHẠM THU THẢO	14/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.25	
25	NGUYỄN MẠNH DŨNG	18/12/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	36.00	
26	ĐÀO GIA BẢO	15/12/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.25	
27	NGUYỄN VIỆT BÁCH	13/10/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	35.05	
28	NGUYỄN BẢO AN	24/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.90	
29	TRỊNH THẢO NGUYỄN	09/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.80	
30	PHAN ANH MINH	29/11/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.40	
31	PHẠM NGỌC AN	29/07/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	34.00	
32	PHẠM GIA HÙNG	22/02/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.85	
33	TRƯƠNG HIỀN ANH	10/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.60	
34	NGÔ MINH HÀ	17/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.40	
35	VŨ MINH CHÍNH	22/11/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	33.10	
36	TRẦN TRỌNG QUẢNG ĐỘ	18/08/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	32.55	
37	VŨ HUY HÙNG	29/03/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 1	31.00	

Nam 16
Nữ 21
Tổng 37

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 PHÁP 2 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGUYỄN THỰC QUYÊN	27/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	44.65	
2	TRẦN BẢO CHÂU ANH	04/11/2010	Nữ	Cộng hòa Pháp	10 PHÁP 2	43.75	
3	ĐINH HÀ THU	03/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	42.35	
4	NGUYỄN HOÀNG GIA BÁCH	16/05/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	41.60	
5	NGUYỄN DŨNG HÀ CHÂU	04/12/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	41.50	
6	PHẠM CHÚC AN	29/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	40.90	
7	NGUYỄN BÁ TÙNG SƠN	22/02/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	40.25	
8	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	23/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	39.95	
9	HOÀNG LINH GIANG	18/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	39.85	
10	TRẦN BẢO NHƯ	01/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	39.75	
11	PHẠM KHÔI MINH	03/10/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.85	
12	TRẦN TRƯỜNG AN	27/06/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.75	
13	NGUYỄN THANH LÂM	12/02/2010	Nam	Thủ đô Algier, nước An-giê-ri	10 PHÁP 2	38.75	
14	VŨ HOÀNG NGÂN	01/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.40	
15	NGUYỄN PHAN ANH	05/03/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.30	
16	ĐỖ HẢI NAM	15/07/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	38.30	
17	NGUYỄN VIỆT LONG	13/02/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.80	
18	LÊ MINH HÀ	27/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	37.05	
19	DƯƠNG GIA KHÁNH	09/09/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	36.85	
20	NGUYỄN DUY HIỆU	10/03/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	36.60	
21	DƯƠNG TỔ THU	12/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	36.25	
22	NGUYỄN NAM KHÁNH	29/03/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	36.05	
23	CÔNG XUÂN MINH ANH	09/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.90	
24	NGUYỄN MINH VŨ	18/02/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.65	
25	NGUYỄN TRÚC LINH	03/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.35	
26	NGUYỄN TRÚC ANH	25/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	35.15	
27	PHẠM MAI CHI	26/10/2010	Nữ	Lào Cai	10 PHÁP 2	35.00	
28	ĐINH VIỆT ANH	03/12/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.60	
29	TRẦN GIA BẢO NGỌC	03/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.60	
30	VŨ THẾ AN	11/06/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	34.00	
31	NGHIÊM BẢO PHƯƠNG	10/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.90	
32	NGUYỄN KHÁNH LINH	18/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.80	
33	NGUYỄN THỊ HÀ PHƯƠNG	22/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.50	
34	ĐỖ PHƯƠNG AN	02/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.25	
35	VŨ BẢO LINH	03/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	33.10	
36	NGUYỄN HƯƠNG LINH	19/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 PHÁP 2	32.10	
37	DƯƠNG LÂM PHONG	20/07/2010	Nam	Hà Nội	10 PHÁP 2	30.20	

Nam 16
Nữ 21
Tổng 37

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NHẬP NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	LÊ MINH ANH	27/12/2009	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	46.00	
2	TRẦN HƯƠNG GIANG	13/09/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	45.25	
3	NGUYỄN ĐAN DƯƠNG	14/07/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	43.90	
4	KIỀU NGUYỄN ĐAN HÀ	27/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	43.90	
5	NGUYỄN LÂM ANH	15/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	43.65	
6	NGÔ PHÚ NGUYỄN	06/06/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	42.85	
7	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	06/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.60	
8	ĐẶNG KHÁNH HUYỀN	04/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.55	
9	TRIỆU MINH BẢO LINH	19/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.45	
10	PHẠM KHÁNH CHI	07/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.15	
11	VŨ MAI CHI	07/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.15	
12	VÕ GIA LINH	18/08/2009	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	42.05	
13	VŨ XUÂN THẢO	11/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.50	
14	TRẦN KHÁNH VY	22/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.45	
15	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	06/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.30	
16	NGUYỄN MINH ĐỨC	02/08/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	41.15	
17	NGUYỄN NGỌC THẢO LINH	14/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.10	
18	VŨ THỊ THU GIANG	20/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.05	
19	PHẠM NGỌC BẢO HÂN	19/11/2010	Nữ	Sơn La	10 NHẬP	41.00	
20	NGUYỄN HÀ MY	24/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	41.00	
21	LÂM BẢO HÀ	12/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	40.95	
22	NGUYỄN NHẬT KHÁNH LINH	07/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	40.95	
23	LÊ QUỲNH CHI	08/01/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	40.75	
24	NGUYỄN NGỌC MINH MINH	04/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	40.45	
25	LÊ KHÁNH TÙNG	09/08/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	40.40	
26	ĐỖ LÂM NHƯ	17/02/2010	Nữ	Phú Thọ	10 NHẬP	39.95	
27	LÊ NGUYỄN ANH THƯ	12/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	39.80	
28	CAO HÀ LINH	16/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	39.75	
29	TRẦN HỮU DUY	24/04/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	39.65	
30	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	18/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	39.45	
31	NGUYỄN QUÝ LÂM	02/03/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	39.40	
32	NGÔ QUANG HUY	02/07/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	39.35	
33	DƯƠNG NGÂN GIANG	17/04/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	39.15	
34	VŨ HOÀNG TRÂM ANH	19/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	39.00	
35	LÊ QUÝ LINH	03/04/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	38.90	
36	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	28/04/2010	Nam	Hà Nội	10 NHẬP	38.80	
37	PHẠM HOÀNG BÍCH THỦY	17/03/2010	Nữ	Hà Nội	10 NHẬP	38.65	

Nam 8
Nữ 29
Tổng 37

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG TRƯỞNG
 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
 CHUYÊN
 CHU VĂN AN
 Nguyễn Thị Nhiếp

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 TRUNG NĂM HỌC 2025-2026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	ĐXT	Ghi chú
1	NGÔ HUYỀN CHI	12/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	42.30	
2	NGUYỄN MINH NGỌC	17/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	39.70	
3	LÊ THUẬN THÁI AN	26/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.65	
4	NGUYỄN HÀ AN	03/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.50	
5	ĐỖ MINH ĐỨC	17/04/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	38.40	
6	CHU HỒNG AN	21/12/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.10	
7	PHẠM KHÁNH LINH	09/05/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	38.05	
8	ĐỖ Ý THÚY TIÊN	11/01/2010	Nữ	Hải Phòng	10 TRUNG	37.80	
9	TRẦN THÀNH NHÂN	24/01/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.50	
10	LÊ GIA HÙNG	24/02/2010	Nam	Thanh Hóa	10 TRUNG	37.40	
11	NGUYỄN SƠN HẢI	15/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.25	
12	NGUYỄN TUẤN PHONG	18/09/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.05	
13	VŨ DƯƠNG GIA LINH	24/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	37.00	
14	NGUYỄN PHẠM ĐỨC MINH	20/11/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	37.00	
15	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HÀ	03/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.95	
16	LÊ BÙI THANH HUYỀN	18/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.95	
17	PHẠM VŨ MINH ANH	28/06/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.90	
18	NGUYỄN ĐÌNH BẢO KHIÊM	13/07/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	36.90	
19	TỪ UYÊN MỸ	24/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.90	
20	ĐÀO NHÃ LINH	12/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.85	
21	DƯƠNG NGỌC HẸ	23/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.75	
22	BÙI KHÁNH LINH	28/10/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.75	
23	LÊ ĐỨC QUANG	11/05/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	36.75	
24	ĐỖ MINH THƯ	25/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.70	
25	NGUYỄN ĐÀO MINH CHÂU	23/08/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.65	
26	NGUYỄN HẠNH MINH	06/11/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.55	
27	ĐẶNG ĐỨC DŨNG	18/03/2010	Nam	Hà Nội	10 TRUNG	36.45	
28	LÊ KHÁNH LINH	15/02/2010	Nữ	Hà Nội	10 TRUNG	36.35	

Nam 9
Nữ 19
Tổng 28

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CHUYÊN
CHU VĂN AN
Nguyễn Thị Nhiếp